

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo ngày 01.6.2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách trợ cấp và chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chính sách trợ cấp đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập theo hình thức chính quy tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, bao gồm: đối tượng, điều kiện hưởng, mức hưởng, nguyên tắc thực hiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục, phương thức chi trả, nguồn kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chính sách trợ cấp quy định tại Nghị định này là khoản hỗ trợ hằng tháng nhằm góp phần bảo đảm điều kiện sinh hoạt thiết yếu tối thiểu cho người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
2. Chính sách nội trú quy định tại Nghị định này gồm học bổng chính sách, hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại đối với học sinh, sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
3. Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định này gồm: các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn biên giới đất liền, biên giới biển, hải đảo theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành và còn hiệu lực tại thời điểm xét hưởng chính sách.
4. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định này chia thành vùng I, II, III, IV theo quy định của Chính phủ và được xác định theo địa bàn của cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập.
5. Chính sách hỗ trợ có cùng tính chất là chính sách hỗ trợ có cùng mục tiêu, cùng nội dung chi và cùng thời gian hỗ trợ với chính sách quy định tại Nghị định này.

Chương II

CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP, CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ VÀ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Điều 3. Đối tượng hưởng chính sách

1. Đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp là sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập theo hình thức chính quy tại cơ sở giáo dục đại học; học sinh, sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc một trong các nhóm đối tượng sau đây:
 - a) Người học là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
 - b) Người học thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ;
 - c) Người học mồ côi cả cha và mẹ, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật;
 - d) Người học là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

2. Đối tượng được hưởng chính sách nội trú là học sinh, sinh viên đang học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc một trong các nhóm đối tượng sau đây:

a) Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật;

b) Học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh là người khuyết tật có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Người học thuộc diện cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo theo đặt hàng hoặc các chương trình đã được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí sinh hoạt, học tập theo chính sách riêng;

b) Người học học bằng đại học thứ hai, sư phạm, chương trình đào tạo không chính quy, không tập trung;

c) Người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, trừ người học hệ dân sự chính quy;

d) Học viên cao học, nghiên cứu sinh đang làm việc theo hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên hoặc có đủ liệu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm xét hưởng chính sách từ 12 tháng trở lên.

Điều 4. Chính sách trợ cấp

1. Người học thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này được hưởng trợ cấp hằng tháng trong thời gian học tập tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Thời gian hưởng chính sách trợ cấp được tính từ thời điểm người học nhập học hoặc thời điểm đủ điều kiện hưởng chính sách đến khi hoàn thành chương trình đào tạo, nhưng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định. Chính sách trợ cấp được thực hiện 12 tháng/năm.

3. Người học thuộc một trong các nhóm đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này được hưởng mức trợ cấp bằng 40% mức lương tối thiểu vùng.

4. Người học thuộc từ 02 nhóm đối tượng trở lên được hưởng mức trợ cấp bằng 50% mức lương tối thiểu vùng.

Điều 5. Chính sách nội trú

1. Mức học bổng chính sách được quy định như sau:

a) Bằng 45% mức lương tối thiểu vùng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Bằng 35% mức lương tối thiểu vùng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Bằng 30% mức lương tối thiểu vùng đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và hỗ trợ đi lại:

a) Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân một lần cho toàn khóa học bằng 30% mức lương tối thiểu vùng/người/khóa học;

b) Hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán bằng 5% mức lương tối thiểu vùng/người/lần đối với học sinh, sinh viên ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán;

c) Hỗ trợ đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại bằng 8% mức lương tối thiểu vùng/người/năm đối với học sinh, sinh viên có nơi thường trú tại địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này; bằng 5% mức lương tối thiểu vùng/người/năm đối với các đối tượng còn lại.

Điều 6. Nguyên tắc hưởng và chi trả chính sách

1. Người học chỉ được hưởng một mức trợ cấp tương ứng với số nhóm đối tượng quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị định này; trường hợp học đồng thời nhiều ngành, nhiều cơ sở đào tạo thì chỉ được hưởng chính sách tại một ngành, một cơ sở đào tạo.

2. Trường hợp người học đồng thời thuộc diện hưởng nhiều chính sách của Nhà nước có cùng mục tiêu, cùng nội dung chi và cùng thời gian hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trường hợp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp đồng thời thuộc đối tượng hưởng chính sách trợ cấp và chính sách nội trú theo Nghị định này thì được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng cao nhất giữa chính sách trợ cấp và học bổng chính sách trong chính sách nội trú; các khoản hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, hỗ trợ đi lại trong chính sách nội trú được thực hiện nếu người học đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Chính sách trợ cấp được tính theo tháng, không phụ thuộc vào số tín chỉ, mô đun người học đăng ký trong từng học kỳ. Thời gian hưởng trợ cấp được tính theo thời gian học thực tế từ thời điểm người học đủ điều kiện hưởng chính sách đến khi kết thúc chương trình đào tạo, nhưng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định.

5. Học bổng chính sách trong chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học chương trình đào tạo theo niên chế trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cấp đủ 12 tháng/năm. Đối với chương trình đào tạo theo mô đun, tín chỉ:

$$\text{Số tháng hưởng} = \frac{12 \text{ tháng} \times \text{Khối lượng mô đun, tín chỉ người học đăng ký, tham gia học tập và được xác nhận trong năm học}}{\text{Khối lượng mô đun, tín chỉ bình quân của một năm học theo chương trình đào tạo chuẩn}}$$

Kết quả quy đổi được làm tròn theo tháng, không vượt quá số tháng học thực tế của kỳ học và thời gian đào tạo chuẩn của ngành, nghề, trình độ đào tạo. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm xác định số tháng hưởng, lập danh sách làm căn cứ chi trả, quyết toán; trường hợp người học không hoàn thành khối lượng đã được xác nhận thì thực hiện điều chỉnh, khấu trừ hoặc thu hồi ở kỳ chi trả tiếp theo.

6. Chính sách trợ cấp và học bổng chính sách trong chính sách nội trú được chi trả theo kỳ, 02 lần trong năm học: lần thứ nhất chi trả 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hằng năm; lần thứ hai chi trả 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau. Đối với chương trình đào tạo có thời gian học năm cuối không đủ 12 tháng hoặc chương trình đào tạo dưới 01 năm, học bổng chính sách trong chính sách nội trú được chi trả theo số tháng học thực tế hoặc số tháng được quy đổi theo khoản 5 Điều này.

7. Các khoản hỗ trợ khác trong chính sách nội trú được chi trả theo thời điểm phát sinh hoặc trong kỳ chi trả gần nhất, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng, đúng mức hưởng; trong đó hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân được chi trả một lần trong toàn khóa học, hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, hỗ trợ đi lại được chi trả một lần trong năm học.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, CHI TRẢ, DỪNG VÀ THU HỒI CHÍNH SÁCH

Điều 7. Hồ sơ hưởng chính sách trợ cấp

1. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách trợ cấp gồm:

a) Đơn đề nghị hưởng chính sách trợ cấp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này, áp dụng chung đối với các nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này tại các cơ sở giáo dục công lập. Khuyến khích các cơ sở giáo dục tích hợp mẫu đơn đề nghị lên hệ thống hành chính điện tử của trường.

b) Giấy xác nhận hưởng chính sách trợ cấp theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này, áp dụng chung đối với các nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này tại các cơ sở giáo dục tư thục.

c) Giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh người học thuộc một hoặc nhiều nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách trợ cấp được xác định theo từng nhóm đối tượng như sau:

a) Đối với người học là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: thông tin về dân tộc, nơi thường trú của người học và thông tin về địa bàn thường trú thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đối với người học thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo: thông tin, dữ liệu hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của Chính phủ còn hiệu lực tại thời điểm xét hưởng chính sách;

c) Đối với người học mồ côi cả cha và mẹ, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa: giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh tình trạng mồ côi, không có người nuôi dưỡng hoặc không nơi nương tựa theo quy định của pháp luật;

d) Đối với người học là người khuyết tật: thông tin, dữ liệu, giấy xác nhận khuyết tật hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

3. Trường hợp thông tin về đối tượng hưởng chính sách đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu để giải quyết chính sách, không yêu cầu người học nộp lại giấy tờ đã có thông tin trên hệ thống.

Điều 8. Trình tự, thẩm định, phê duyệt và chi trả chính sách trợ cấp

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhập học, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai chính sách trợ cấp, thời hạn nộp hồ sơ, phương thức nộp hồ sơ và hướng dẫn người học nộp hồ sơ theo quy định.

2. Người học nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các hình thức: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên hệ thống hành chính điện tử của trường. Hồ sơ được nộp 01 lần vào đầu khóa học, chính sách được xét hưởng từ đầu khóa học hoặc từ thời điểm người học vì lý do khách quan trở thành đối tượng xét hưởng chính sách và giữ nguyên đến hết khóa học.

3. Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng trợ cấp, lập dự toán và tổ chức chi trả theo quy định.

4. Đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thục, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập xác nhận tình trạng học tập, thông tin về chương trình đào tạo theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này và hướng dẫn người học gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc cơ sở giáo dục gửi xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú qua hệ thống quản lý hành chính điện tử để thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả.

5. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho người học trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

6. Trường hợp người học nộp hồ sơ sau thời hạn thông báo, chính sách trợ cấp được chi trả từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi kết thúc thời gian được hưởng chính sách; không truy lĩnh đối với thời gian trước thời điểm nộp đủ hồ sơ, trừ trường hợp chậm chi trả do lỗi của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết chính sách.

7. Việc chi trả chính sách trợ cấp thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định này và được thực hiện qua tài khoản ngân hàng của người học; trường hợp đặc biệt có thể chi bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp người học chưa được nhận trợ cấp theo thời hạn quy định do lỗi của cơ quan, đơn vị chi trả hoặc do nguyên nhân khách quan thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

9. Cơ quan chi trả có trách nhiệm công khai thủ tục, thời gian chi trả để người học nhận chính sách kịp thời, đúng quy định.

Điều 9. Hồ sơ hưởng chính sách nội trú

1. Hồ sơ đề nghị cấp chính sách nội trú gồm:

a) Đơn đề nghị hưởng chính sách nội trú theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này, áp dụng chung đối với các nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Khuyến khích các cơ sở giáo dục tích hợp mẫu đơn đề nghị lên hệ thống hành chính điện tử của trường.

b) Giấy xác nhận hưởng chính sách nội trú theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này, áp dụng chung đối với các nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục.

2. Giấy tờ, thông tin, dữ liệu hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh học sinh, sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này, giấy tờ, thông báo hoặc xác nhận ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán.

3. Trường hợp thông tin về đối tượng hưởng chính sách đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm khai thác, sử dụng dữ liệu để giải quyết chính sách, không yêu cầu người học nộp lại giấy tờ đã có thông tin trên hệ thống.

Điều 10. Trình tự, thẩm định, phê duyệt và chi trả chính sách nội trú

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhập học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai chính sách nội trú, thời hạn nộp hồ sơ, phương thức nộp hồ sơ và hướng dẫn học sinh, sinh viên nộp hồ sơ theo quy định.

2. Học sinh, sinh viên nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các hình thức: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

3. Đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách nội trú, lập dự toán và tổ chức chi trả theo quy định.

4. Đối với người học tại cơ sở giáo dục tư thục, cơ sở giáo dục nơi người học đang học tập xác nhận tình trạng học tập, thông tin về chương trình đào tạo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này và hướng dẫn người học gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc cơ sở giáo dục gửi xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú qua hệ thống quản lý hành chính điện tử để thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả.

5. Học sinh, sinh viên nộp hồ sơ 01 lần vào đầu khóa học. Trường hợp giấy tờ, thông tin, dữ liệu chứng minh đối tượng hưởng chính sách hết hiệu lực hoặc có thay đổi về đối tượng hưởng chính sách thì học sinh, sinh viên có trách nhiệm bổ sung, cập nhật hồ sơ. Trường hợp trong thời gian tham gia khóa học, do hoàn cảnh khách quan mà học sinh, sinh viên trở thành đối tượng được hưởng chính sách nội trú thì nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách nội trú theo quy định và thời gian hưởng chính sách tính từ thời điểm hồ sơ được phê duyệt. Với học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục ở lại trường trong dịp tết Nguyên đán, nhà trường thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh, sinh viên thường trú danh sách học sinh, sinh viên theo thực tế hằng năm.

6. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho học sinh, sinh viên trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

7. Trường hợp học sinh, sinh viên không nộp hoặc nộp chậm hồ sơ, chính sách nội trú được chi trả từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ; không truy lĩnh đối với thời gian trước thời điểm nộp đủ hồ sơ, trừ trường hợp chậm chi trả do lỗi của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết chính sách.

8. Việc chi trả chính sách nội trú được thực hiện qua tài khoản ngân hàng của học sinh, sinh viên, trừ trường hợp đặc biệt được chi trả bằng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp học sinh, sinh viên chưa được nhận chính sách theo thời hạn quy định do lỗi của cơ quan, đơn vị chi trả hoặc do nguyên nhân khách quan thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

10. Cơ quan chi trả có trách nhiệm công khai thủ tục, thời gian chi trả để học sinh, sinh viên nhận chính sách kịp thời, đúng quy định.

Điều 11. Dừng, tạm dừng và thu hồi chính sách

1. Dừng chi trả chính sách trong các trường hợp sau đây:

a) Người học không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Điều 2 Nghị định này;

b) Người học bỏ học, bị buộc thôi học hoặc không còn tiếp tục chương trình đào tạo;

c) Người học đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc hết thời gian được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này;

d) Có quyết định của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ dừng hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Tạm dừng chi trả chính sách trong các trường hợp sau đây:

a) Người học bị đình chỉ học tập;

b) Người học tạm dừng học nhưng chưa đủ căn cứ xác định tiếp tục được hưởng chính sách;

c) Người học bị tạm giam, tạm giữ hoặc thuộc trường hợp khác chưa đủ căn cứ tiếp tục chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người học tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng có xác nhận của cơ sở giáo dục thì được xem xét tiếp tục hưởng chính sách khi trở lại học tập và còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách; thời gian tạm dừng học không tính vào thời gian hưởng chính sách, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp phát sinh lý do dừng hoặc tạm dừng sau khi đã chi trả, cơ quan chi trả thực hiện khấu trừ vào kỳ chi trả tiếp theo hoặc thu hồi theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục có trách nhiệm gửi các quyết định đình chỉ học tập, quyết định buộc thôi học, quyết định nghỉ học của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách mà nhà trường đã xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh, sinh viên bị đình chỉ học tập, kỷ luật buộc thôi học, nghỉ học thường trú.

6. Trường hợp chi trả không đúng đối tượng, không đúng mức, không đúng thời gian hưởng hoặc người học sử dụng hồ sơ, giấy tờ, thông tin không trung thực để hưởng chính sách thì cơ quan chi trả thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 12. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí

1. Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ số lượng người học thuộc đối tượng hưởng chính sách trợ cấp, chính sách nội trú theo Nghị định này, các cơ sở giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan trung ương lập, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

2. Cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức chính sách và số lượng người học thuộc đối tượng hưởng chính sách để lập danh sách, tổng hợp, lập dự toán kinh phí gửi cơ quan chủ quản thẩm định, tổng hợp gửi cơ quan tài chính có thẩm quyền trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức chính sách và số lượng người học thuộc đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn để lập danh sách, tổng hợp, lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cấp trên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Việc phân bổ dự toán thực hiện như sau:

a) Các bộ, cơ quan trung ương quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo chế độ quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục công lập trực thuộc và đối tượng thuộc trách nhiệm chi trả của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Khi rút dự toán kinh phí thực hiện chính sách, cơ sở giáo dục công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch quyết định phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách kèm theo danh sách chi tiết, trong đó ghi rõ: họ và tên, mã số người học hoặc số định danh cá nhân, nhóm đối tượng, mức hưởng, thời gian hưởng và số tiền đề nghị chi trả. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xác định đối tượng hưởng chính sách được cơ sở giáo dục công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã lưu giữ; cơ sở giáo dục ngoài công lập lưu giữ hồ sơ, tài liệu thuộc trách nhiệm xác nhận của mình để phục vụ kiểm tra, thanh tra, quyết toán, kiểm toán và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

7. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp, chính sách nội trú thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các văn bản hướng dẫn và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

8. Hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện chính sách trợ cấp, chính sách nội trú đối với người học.

Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục thuộc trung ương quản lý và hỗ trợ các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Việc thực hiện chính sách phải phù hợp khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này trên phạm vi cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách; định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc xác nhận, thẩm định, chi trả, báo cáo và quản lý hồ sơ người học được hưởng chính sách theo quy định.

4. Chủ trì xây dựng, vận hành hoặc kết nối hệ thống thông tin phục vụ quản lý, theo dõi, đối soát, tổng hợp dữ liệu về người học được hưởng chính sách, bảo đảm phù hợp quy định về chuyên đổi số, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, đánh giá tác động của chính sách đối với người học là người dân tộc thiểu số.

2. Tổ chức thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục trực thuộc Bộ theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các bộ, cơ quan trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính trong việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu, xác định đối tượng, địa bàn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan trung ương có cơ sở giáo dục công lập trực thuộc có trách nhiệm bố trí, phân bổ kinh phí; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách trên địa bàn; bảo đảm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách địa phương; chỉ đạo kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn người học lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục công lập: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, phê duyệt danh sách người học được hưởng chính sách, lập dự toán, tổ chức chi trả, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục tư thục: Xác nhận tình trạng học tập, thông tin về chương trình đào tạo và các thông tin liên quan đến đối tượng hưởng chính sách;

phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thẩm định, chi trả, kiểm tra, thu hồi chính sách theo quy định.

4. Cung cấp dữ liệu, báo cáo, tài liệu phục vụ đối soát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, xác nhận do cơ sở giáo dục cung cấp.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả chính sách đối với người học thuộc trách nhiệm chi trả của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Phối hợp với cơ sở giáo dục trong xác minh tình trạng học tập, đối tượng hưởng chính sách, xử lý trường hợp dừng, tạm dừng, truy lĩnh, khấu trừ hoặc thu hồi kinh phí theo quy định.

4. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, thực hiện chế độ báo cáo, công khai thủ tục, thời gian chi trả và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện chính sách trên địa bàn.

Điều 20. Trách nhiệm của người học

1. Chuẩn bị, kê khai và nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn theo quy định.

2. Cung cấp, cập nhật kịp thời thông tin, giấy tờ, dữ liệu liên quan đến đối tượng hưởng chính sách; thông báo cho cơ sở giáo dục hoặc cơ quan chi trả khi không còn thuộc đối tượng được hưởng chính sách.

3. Sử dụng chính sách hỗ trợ đúng mục đích; chấp hành quy định của cơ sở giáo dục và pháp luật có liên quan.

4. Hoàn trả kinh phí đã nhận trong trường hợp hưởng sai đối tượng, sai mức, sai thời gian hoặc sử dụng hồ sơ, giấy tờ, thông tin không trung thực để hưởng chính sách.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ quy định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

b) Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

d) Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người học đã được phê duyệt hưởng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được chi trả đến hết kỳ chi trả đã được phê duyệt; từ kỳ chi trả tiếp theo thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp người học thuộc đối tượng quy định ở các văn bản thay thế nhưng không thuộc đối tượng của Nghị định này sẽ được hưởng chính sách theo các văn bản bị thay thế đến hết thời gian học.

2. Hồ sơ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được phê duyệt thì được xem xét, giải quyết theo quy định tại Nghị định này nếu có lợi hơn cho người học.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TH(03b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG